

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05/01/2022
(V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu.
2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo Q1 định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021; Q1 định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Minh Q1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn TNh, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

- Bị đơn: Chị Trương Thị H1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn BTh, xã NP, huyện T1, tỉnh T2.

(anh Q1 có mặt, chị H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2021, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Minh Q1 trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 71/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 Q1 định anh và

chị Trương Thị H1 thuận tình ly hôn; giao con chung là Trần Minh L1, sinh ngày 20/9/2012 cho chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Từ khi ly hôn, chị H1 và cháu L1 chuyển về nhà ông bà ngoại tại thôn BTh, xã NP, huyện T1, tỉnh T2 sinh sống. Anh vẫn thường xuyên thăm nom, chăm sóc cháu L1, nghỉ hè vẫn đón cháu về trên quê nội tại xã AN để học thêm, ngày lễ, tết vẫn đưa đón cháu bình thường. Nay anh xác định, để cho cháu Trần Minh L1 phát huy được hết khả năng học tập tại nơi anh đang sinh sống và do anh đang sống độc thân, có đủ năng lực tài chính để đáp ứng được yêu cầu nuôi dưỡng cháu, đảm bảo về điều kiện sinh hoạt, ăn ở, anh có nhà riêng, đảm bảo không gian riêng cho cháu L1 học tập, anh đang làm việc theo giờ hành chính, chỗ làm việc gần nơi sinh sống, môi trường giáo dục tại nơi anh sinh sống đạt chuẩn quốc gia, gần trung tâm đáp ứng các yêu cầu học tập, vui chơi giải trí nên anh làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết việc chuyển giao quyền nuôi con chung là cháu Trần Minh L1 cho anh.

Theo anh Q1, hiện nay chị H1 đi làm công nhân, thời gian làm việc dài, đi sớm, về muộn, ít có thời gian nghỉ thứ 7, chủ nhật nên không đảm bảo việc đưa đón, chăm sóc và dạy dỗ cháu L1 học tập.

Về sự vắng mặt của chị H1, anh Q1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kèm theo hồ sơ khởi kiện anh Q1 nộp cho Tòa án các bảng thanh toán tiền lương, Giấy xác nhận tài sản riêng và bản đề nghị của con chung Trần Minh L1. Theo bảng thanh toán tiền lương của Doanh nghiệp tư nhân ThP, lương tháng của anh Q1 là 11.730.000 đồng. Theo giấy xác nhận tài sản riêng, anh Q1 có đất là 415m² được bố, mẹ cho và đã xây nhà trên đất tại xóm 1 (thôn TNh), xã AN, huyện T1, tỉnh T2, đơn được mẹ anh Q1 đồng ý và chính quyền địa phương xác nhận. Theo văn bản đề nghị thì cháu Trần Minh L1 có nguyện vọng được ở với bố là Trần Minh Q1.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2021 tại Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2, bị đơn là chị Trương Thị H1 trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 71/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 Quyết định chị và anh Trần Minh Q1 thuận tình ly hôn; giao con chung là Trần Minh L1, sinh ngày 20/9/2012 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Q1 phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Minh L1 mỗi tháng 600.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Nay anh Q1 làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con, chị đề nghị Tòa án bác bỏ đơn của anh Q1 vì chị có đủ khả năng để nuôi con, chị đang làm việc tại Nhà hàng HH, tại CV, xã NP của gia đình, thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng. Bố mẹ chị đồng ý cho chị và con chung được phép ở và sinh sống tại nhà. Theo chị H1, từ khi ly hôn, anh Q1 chưa thực hiện đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị không đồng ý việc anh Trần Minh Q1 xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

Ngày 18/8/2021, chị H1 giao nộp cho Tòa án 01 bảng xác nhận lương và 01 đơn xác nhận của ông Trương Văn L1 (bố đẻ chị H1). Theo bảng xác nhận lương của nhà hàng HH, Lô 10, Khu du lịch sinh thái CV, xã NP, huyện T1, tỉnh T2, lương của chị H1 là 7.000.000 đồng/01 tháng. Theo Giấy xác nhận của ông Trương Văn L1 (là bố đẻ chị H1), sinh năm 1960, địa chỉ tại thôn BTh, xã NP, huyện T1, tỉnh T2, ông L1 đồng ý cho chị H1 và con trai là Trần Minh L1 được ở và sinh hoạt tại gia đình ông.

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải, Tòa án nhân dân huyện T1 đã tổng đạt đầy đủ các văn bản cho chị H1, tuy nhiên chị H1 không đến Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 26/11/2021 tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã NP, huyện T1, tỉnh T2, cháu Trần Minh L1 có ý kiến:

Cháu có nguyện vọng muốn về ở với bố là Trần Minh Q1. Cháu muốn học ở xã AN vì gần nhà bố hơn. Mẹ cháu đi làm công nhân, cháu tự đạp xe đi học. Biên bản có sự chứng kiến của: Cô giáo Phạm Thị M1, là giáo viên chủ nhiệm lớp 4C của cháu L1; ông Nguyễn Đức M2, Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã NP; ông Vũ Văn D1, Công an viên xã NP; bà Phan Thị N1 (mẹ đẻ chị H1, là bà ngoại cháu L1).

Tại buổi làm việc, bà N1 có ý kiến như sau: Gia đình nhà ngoại vẫn tạo mọi điều kiện cho hai mẹ con cháu L1 về nhà ở, ăn uống, học hành. Tuy nhiên gia đình tôn trọng nguyện vọng của cháu. Nếu bố cháu L1 muốn chuyển trường cho cháu về học ở xã AN thì phải trao đổi, xin ý kiến gia đình. Mẹ cháu L1 mới đi làm công nhân nên không được nghỉ vào ngày làm việc nên không đến Tòa án được. Cháu L1 biết đi xe đạp, tự đi học. Anh Q1 phải cấp dưỡng nuôi con 600.000 đồng/01 tháng nhưng ít khi thực hiện.

Tại biên bản xác minh ngày 01/12/2021 tại UBND xã AN, huyện T1, tỉnh T2, anh Trần Xuân V, sinh năm 1964, có địa chỉ tại thôn TNh, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 (anh V là anh trai anh Trần Minh Q1), có ý kiến:

Anh Q1 là kỹ sư của Công ty ThP, có trụ sở tại thị trấn TN, huyện K, tỉnh T2. Anh Q1 đi làm theo giờ hành chính, được nghỉ nửa ngày thứ 7 và cả ngày chủ nhật. Hiện nay anh Q1 được bố, mẹ cho 415m² đất và đã xây nhà trên đất tại thôn TNh, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, trên tổng thể trên 5.000m² đất của bố, mẹ. Theo anh V, gia đình anh (mẹ đẻ và các anh em anh) thống nhất trong việc hỗ trợ anh Q1 trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Minh L1.

Ngày ngày 27 tháng 12 năm 2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, anh Q1 có mặt, chị H1 vắng mặt, Hội đồng xét xử Q1 định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 05/01/2022.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 trình bày quan điểm:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn chị Trương Thị H1 đã có bản tự khai tại Tòa án, đã nộp bảng lương và giấy xác nhận của gia đình. Tuy nhiên, chị H1 không có mặt tại Tòa để công khai chứng cứ và hòa giải nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H1 là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giao cháu Trần Minh L1, sinh ngày 20/9/2012 cho anh Trần Minh Q1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (18 tuổi); anh Q1 không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Anh Trần Minh Q1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải Q1 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Trần Minh Q1 có mặt, bị đơn là chị Trương Thị H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H1.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trần Minh Q1 yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” được quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; nguyên đơn, bị đơn đều có nơi cư trú tại địa phương do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Căn cứ theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 71/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 Quyết định anh Trần Minh Q1 và chị Trương Thị H1 thuận tình ly hôn; giao con chung là Trần Minh L1, sinh ngày 20/9/2012 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Q1 phải cấp dưỡng nuôi con chung Trần Minh L1 mỗi tháng 600.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Nay anh Q1 làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con, quá trình giải Q1 vụ án, chị H1 chỉ đến Tòa án viết bản tự khai, gửi các tài liệu chứng cứ nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp, công khai chứng cứ và hòa giải nên không thỏa thuận được vấn đề cần giải Q1 của vụ án. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử cần phải xem xét.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, đề Q1 định người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn cho ai cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của cha hoặc mẹ để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần đầy đủ cho con.

[3.2.1] Xét về điều kiện hiện tại của nguyên đơn: Anh Trần Minh Q1 có nơi ở ổn định, có nơi đăng ký thường trú rõ ràng, anh đang sinh sống độc thân tại nhà và đất được bố, mẹ cho tại thôn TNh, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Bên cạnh đó, anh Q1 đã chứng minh thu nhập ổn định và hợp pháp. Trong thời gian chị H1 nuôi con chung, anh vẫn thường xuyên thăm nom, gửi tiền, ngày nghỉ, lễ, tết anh vẫn đón cháu Trần Minh L1 về nhà chơi; nghỉ hè anh đưa cháu L1 về học thêm tại xã AN mà không có ai hay chị H1 cũng không có ý kiến gì. Cháu Trần Minh L1 đã 09 tuổi, cháu có nguyện vọng được về ở với bố là anh Q1. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L1. Anh Q1 yêu cầu thay đổi nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3.2.2] Xét điều kiện hiện tại của bị đơn: Từ sau khi ly hôn, chị H1 và cháu L1 sinh sống cùng với bố mẹ chị tại: Thôn BTh, xã NP, huyện T1, tỉnh T2. Chị H1 có thu nhập ổn định, cũng được bố, mẹ đồng ý cho ở cùng gia đình. Tuy nhiên, do đặc thù công việc, thời gian gần đây chị H1 đi làm công nhân, thời gian bận rộn, thời gian nghỉ ngơi hạn chế nên việc chăm sóc cháu L1 về việc ăn ở, học hành còn có hạn chế, chưa được đảm bảo tốt nhất cho việc phát triển về thể chất và tinh thần đầy đủ cho con.

Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại các phiên tòa, chị H1 đều vắng mặt nên coi như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, yêu cầu thay đổi nuôi con của anh Q1 là có cơ sở.

[3.2.2] Về ý kiến của chị H1 và bà N1 (mẹ đẻ chị H1) cho rằng anh Q1 chưa thực hiện đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 71/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2. Tuy nhiên, không ai cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc anh Q1 thực hiện chưa đầy đủ việc cấp dưỡng. Anh Q1 xác nhận vẫn có đưa tiền khi đưa cho chị H1, khi đưa cho cháu L1 mang về, ngày lễ tết anh vẫn đưa đón, hè anh đưa cháu L1 về trên xã AN để học thêm. Vì vậy, ý kiến của chị H1, bà N1 về việc anh Q1 thực hiện chưa đầy đủ việc cấp dưỡng không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy nguyên đơn có đầy đủ điều kiện là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Minh L1. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *Tòa án Q1 định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con* và Điều 58, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Anh Trần Minh Q1 phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q1 số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh Q1 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

1. Giao cho anh Trần Minh Q1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Minh L1, sinh ngày 20/9/2012 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Trần Minh Q1 không yêu cầu chị Trương Thị H1 dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Q1, chị H1 đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Anh Trần Minh Q1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002202 ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2. Anh Trần Minh Q1 đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

